

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 19050/QĐ-SNV ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Sở Nội vụ)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó :				
				Sở Nội vụ	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Trung tâm ĐDNCC và QLNTLS	Ghi chú
A	TỔNG SỐ THU, CHI NỘP NS PHÍ, LỆ PHÍ	240	240	200	40	-	-	-
1	Số thu đơn vị được để lại:	240	240	200	40	-	-	-
-	Thu lệ phí: lệ phí cấp phép lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	50	50	50				
-	Thu phí: phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức; phí sử dụng tài liệu lưu trữ	190	190	150	40			
2	Số thu phí nộp ngân sách	240	240	200	40	0	0	0
-	Lệ phí cấp phép lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	50	50	50				
-	Thu phí: phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức; phí sử dụng tài liệu lưu trữ	190	190	150	40			
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	186.902	186.902	155.404	11.193	11.382	8.923	
I	Chi từ ngân sách tỉnh	178.659	178.659	148.201	10.726	11.162	8.570	
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 khoản 341)	47.434	47.434	47.434	-	-	-	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (147 biên chế)	30.884	30.884	30.884	-	-	-	
-	Chi con người, trong đó:	23.387	23.387	23.387				
	Chênh lệch mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng - 2,34 triệu đồng)	8.495	8.495	8.495				
-	Chi hoạt động thường xuyên	7.497	7.497	7.497				
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	1.330	1.330	1.330	0	0	0	
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	15.220	15.220	15.220	-	-	-	
-	Kinh phí soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật	126	126	126				

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó :				
				Sở Nội vụ	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Trung tâm ĐDNCC và QLNTLS	Ghi chú
-	Mua sắm sửa chữa	1.125	1.125	1.125				
-	Kinh phí kiểm tra, khảo sát, tập huấn, tiếp thu chủ trương, báo cáo về biên chế, tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng, công chức, viên chức, các Hội, tổ chức phi chính phủ; kinh phí phê duyệt kết quả bầu cử lãnh đạo UBND tỉnh; tham dự hội nghị, hội thảo, tập huấn ngành nội vụ và tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật.	76	76	76				
-	Khảo sát việc xây dựng, quản lý đề án vị trí việc làm và biên chế công chức, số lượng người làm việc (viên chức) của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác và xã, phường, đặc khu	37	37	37				
-	Kinh phí địa giới hành chính và phân loại địa giới hành chính	9.000	9.000	9.000				
-	Kinh phí hoạt động về công tác dân vận chính quyền, quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện Nghị định số 115/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ.	84	84	84				
-	Mở lớp các tập huấn: công chức các huyện, xã triển khai thực hiện các quy định liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ và các quy định có liên quan; về dân chủ cơ sở, dân vận chính quyền; Kinh phí thực hiện chuyên mục "Dân hỏi chính quyền trả lời"; ... (Dân chủ cơ sở, chính quyền cơ sở)	832	832	832				
-	Kinh phí hoạt động liên quan đến công tác thanh niên, đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh và thanh niên; thẩm định giải quyết chế độ trợ cấp thanh niên xung phong; Chương trình phát triển thanh niên	244	244	244				
-	Chương trình cải cách hành chính tổng thể theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt; Kinh phí liên quan công tác cải cách hành chính	2.340	2.340	2.340				

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó :				
				Sở Nội vụ	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Trung tâm ĐDNCC và QLNTLS	Ghi chú
-	Khảo sát tình hình sử dụng công chức, viên chức các sở, ban ngành cấp tỉnh và xã, phường, đặc khu	53	53	53				
-	Tập huấn triển khai các văn bản về công chức, viên chức	360	360	360				
-	Làm việc với Trung ương	180	180	180				
-	Hỗ trợ cán bộ làm công tác kiểm soát TTHC chung của tỉnh và của cơ quan	27	27	27				
-	Chi hoạt động công tác Đảng (Phụ cấp cấp ủy; phụ cấp kế toán kiêm nhiệm công tác Đảng; Mua báo, tạp chí; Đại hội Đảng; Khen thưởng; Các khoản thanh toán khác)	144	144	144				
-	Kinh phí chi dân quân tự vệ	61	61	61				
-	Nâng cao năng lực thực thi, pháp luật , pháp chế và thực hiện chính sách ngành	360	360	360				
-	Kinh phí hỗ trợ cho Ban biên tập và nhuận bút tin bài cổng thông tin điện tử	90	90	90				
-	Hoạt động văn thư lưu trữ: hội nghị tập huấn triển khai văn bản, kiểm tra các hoạt động văn thư - lưu trữ tại các địa phương trên địa bàn tỉnh; Dự hội nghị công tác văn thư lưu trữ do trung ương tổ chức	81	81	81				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề (Loại 070 - Khoản 085)	6.650	6.650	6.650	-	-	-	
-	Thực hiện theo kế hoạch đào tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	6.555	6.555	6.555				
-	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức	95	95	95				
3	Chi sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác (Loại 280 khoản 338)	15.651	15.651	5.765	9.886	-	-	-
-	Chi con người (53 biên chế), trong đó:	3.601	3.601	2.110	1.491			

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó :				
				Sở Nội vụ	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Trung tâm ĐDNCC và QLNTLS	Ghi chú
+	Chênh lệch mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng - 2,34 triệu đồng)	298	298		298			
-	Chi hoạt động thường xuyên	1.401	1.401	795	606			
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	189	189		189			
-	Kinh phí thực hiện hoàn chỉnh các phong lưu trữ đã nộp lưu vào lưu trữ lịch sử	2.363	2.363		2.363			
-	Kinh phí thực hiện công tác Tu bổ tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử tỉnh An Giang năm 2026 (theo Kế hoạch 218/KH-UBND ngày 27/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2025-2029)	2.567	2.567		2.567			
-	Kinh phí hoạt động Kho lưu trữ lịch sử - 12-14 Ngô Gia Tự, phường Rạch Giá và Kho lưu trữ lịch sử - 267 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên (Chi bồi dưỡng bằng hiện vật; Kinh phí diệt mối, côn trùng; Chi phí bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thiết bị Kho lưu trữ chuyên dụng phục vụ công tác lưu trữ của tỉnh; Kinh phí mua bảo hiểm phòng cháy nổ Kho lưu trữ chuyên dụng; Vệ sinh kho bảo quản tài liệu lưu trữ; Điện sử dụng tại các kho bảo quản tài liệu lưu trữ; Sửa chữa nhỏ;)	2.670	2.670		2.670			
-	Kinh phí chỉnh lý tài liệu của Sở Nội vụ	2.860	2.860	2.860				
4	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội (Loại 370 - Khoản 371)	10.336	10.336	1.767	-	-	8.570	-
4.1	Tiền lương và kinh phí hoạt động (42 biên chế)	5.181	5.181	1.767	-	-	3.415	-
-	Chi con người, trong đó:	3.896	3.896	1.277			2.619	
+	Chênh lệch mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng - 2,34 triệu đồng)	1.460	1.460	464			996	
-	Chi hoạt động thường xuyên	1.285	1.285	490			796	

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó :				
				Sở Nội vụ	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Trung tâm ĐDNCC và QLNTLS	Ghi chú
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	120	120				120	
4.3	Chi vận hành các Nghĩa trang liệt sĩ Rạch Giá, An Châu, Dốc Bà Đắc (chi phục vụ các lễ viếng; chăm sóc mộ liệt sĩ; trồng bông và chăm sóc cây kiểng; dọn dẹp vệ sinh và phát hoang cỏ; mua vật dụng, đồ dùng phục vụ đón tiếp thân nhân liệt sĩ, sửa chữa nhỏ trong khuôn viên nghĩa trang...)	5.035	5.035				5.035	
5	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội (Loại 370 - Khoản 398)	37.968	37.968	27.646	-	10.322	-	-
5.1	Tiền lương và kinh phí hoạt động (53 biên chế)	7.733	7.733	2.346	-	5.387	-	-
-	Chi con người, trong đó:	6.044	6.044	1.704		4.340		
+	Chênh lệch mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng - 2,34 triệu đồng)	2.155	2.155	619		1.536		
-	Chi hoạt động thường xuyên	1.390	1.390	642		748		
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	299	299			299		
5.2	Lĩnh vực người có công với cách mạng:	16.560	16.560	16.560	-	-	-	
-	Chi quà lễ, quà tết cho người có công với cách mạng; Kinh phí chi quà thăm viếng, phục vụ Tết, Lễ 27/7	11.773	11.773	11.773				
-	An táng hài cốt liệt sĩ	712	712	712				
-	Khen thưởng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và gia đình được tặng huân chương độc lập; khen thưởng cán bộ làm tốt công tác chính sách	427	427	427				
-	Tham quan, điều dưỡng người có công với cách mạng	1.900	1.900	1.900				
-	Cứu trợ khó khăn thường xuyên cho đối tượng; chi mua xe lăn cho thương binh nặng	190	190	190				
-	Chi công tác đi Campuchia: ký kết thoả thuận tiếp nhận hài cốt liệt sĩ; thăm, kiểm tra đội K92 làm nhiệm vụ tìm kiếm quy tập hài cốt liệt sĩ	1.520	1.520	1.520				
-	Hỗ trợ Hội chiến sĩ cách mạng Việt Nam bị địch bắt tù đầy tham quan Hà Nội	38	38	38				

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó :				
				Sở Nội vụ	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Trung tâm ĐDNCC và QLNTLS	Ghi chú
5.3	Lĩnh vực bình đẳng giới:	2.185	2.185	2.185	0	0	0	
-	Chi tổ chức tháng hành động vì bình đẳng giới; hỗ trợ bình đẳng giới trong các lĩnh vực, vùng, địa phương; Truyền thông nâng cao nhận thức về công tác bình đẳng giới; tập huấn nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý Nhà nước về bình đẳng giới; Nhân rộng các mô hình về bình đẳng giới; hội nghị, hội thảo về công tác bình đẳng giới; Các hoạt động quản lý, hoạt động phong trào của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh; Kinh phí hoạt động Bình đẳng giới, đào tạo phụ nữ, nhân rộng thêm địa chỉ nhà tạm lánh; Triển khai thực hiện Kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt về Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	2.185	2.185	2.185				
5.4	Lĩnh vực Lao động việc làm	8.640	8.640	3.705	0	4.935	0	0
-	Kinh phí Chương trình quốc gia về An toàn lao động, Vệ sinh lao động; Tổ chức tuần lễ quốc gia an toàn vệ sinh lao động; tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động cho người lao động trong các loại hình doanh nghiệp; Tập huấn nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về việc làm, an toàn vệ sinh lao động và pháp luật lao động cho cán bộ cơ sở; Chi chế độ cho hòa giải viên lao động và Hội đồng trọng tài lao động tỉnh; Kinh phí hoạt động của Ban quan hệ lao động tỉnh; ...	855	855	855				
-	Kinh phí tăng cường đưa lao động An Giang đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Hỗ trợ chi phí ban đầu không hoàn lại cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tổ chức Hội nghị Sơ kết, Tổng kết Chương trình)	5.187	5.187	2.850		2.337		
-	Kinh phí thu thập và xử lý thông tin biến động cung, cầu lao động ; Tổ chức các phiên giao dịch việc làm: Chi cho công tác truyền thông, công tác tổ chức sàn giao dịch	2.598	2.598			2.598		
5.5	Lĩnh vực Đảm bảo xã hội khác	2.850	2.850	2.850	0	0	0	
-	Kinh phí thực hiện các Chương trình sự nghiệp khác; các hoạt động đảm bảo xã hội khác	2.850	2.850	2.850				

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó :				
				Sở Nội vụ	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Trung tâm ĐDNCC và QLNTLS	Ghi chú
6	Chi thường xuyên khác (Loại 400 khoản 429)	60.620	60.620	58.940	840	840	-	
6.1	Tiền thưởng	55.100	55.100	55.100	-	-	-	
-	Quỹ Thi đua khen thưởng	45.916	45.916	45.916				
-	Kinh phí khen thưởng (Khen thưởng mẹ Việt Nam anh hùng; Tiền thưởng khen cấp tỉnh, cấp nhà nước; Kinh phí trích 20% trong tổng Quỹ Thi đua Khen thưởng)	9.184	9.184	9.184				
6.2	Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động	5.520	5.520	3.840	840	840	-	-
-	Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau khi sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 29/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang	5.520	5.520	3.840	840	840		
II	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	8.243	8.243	7.203	467	220	353	-
-	Tổng tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách giữ lại tạo nguồn cải cách tiền lương là 7.203 triệu đồng.	8.243	8.243	7.203	467	220	353	